

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN SƠN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 3 - 2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Thắng;
2. Ông Phạm Văn Ninh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12/11/2020 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 29/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 24/02/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: **Anh La Đại N**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 29/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CY, huyện Yên Sơn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng làm ăn, sinh sống tại thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan

điểm sống, tính tình không hợp nhau, không tin tưởng lẫn nhau. Vợ chồng chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện không tồn tại gia đình hạnh phúc tiến bộ bền vững, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn giải quyết cho chị được ly hôn với anh La Đại N.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là cháu La Thị Bích N1, sinh ngày 05/10/2014. Khi ly hôn chị tự nguyện để anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì hiện nay chị bận đi làm không có thời gian để nuôi dạy con, từ cuối năm 2019 đến nay cháu ở với anh N. Chị cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kì hàng tháng. Chị có quyền, N vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, đất đai chung, công nợ chung: Quá trình chung sống chị và anh N không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho ông La Quang Tỉnh (là bố đẻ của anh N, hiện nay đang ở cùng nhà với anh N), ông Tỉnh đã tổng đạt trực tiếp cho anh N, tuy nhiên anh N không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Anh N đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn với anh La Đại N tại Ủy ban nhân dân xã CY, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2014, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn. Cuộc sống vợ chồng chị T, anh N mâu thuẫn như thế nào xóm không nắm được, xóm chỉ nắm được hai anh chị đi làm thuê ở công ty và xảy ra mâu thuẫn, từ cuối năm 2019 đến nay chị T về nhà bố mẹ đẻ tại xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn sinh sống, chị T thì thoảng về thăm con rồi lại đi.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 con chung là cháu La Thị Bích N1, sinh năm 2014, hiện nay cháu N1 ở với anh N.

Về tài sản chung, công nợ chung: Thôn không nắm được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, N vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng các quyền, N vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; Xử cho chị T được ly hôn với anh La Đại N. Giao con chung là cháu La Thị Bích N1, sinh ngày 05/10/2014 cho anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị T có quyền, N vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nhà đất chung, công nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có hộ khẩu thường trú tại thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn. Chị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn anh La Đại N có hộ khẩu thường trú tại thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh La Đại N không đến Tòa để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Tòa án đã đến gia đình anh N tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bố đẻ của anh N là ông La Quang Tỉnh. Ông Tỉnh xác nhận đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh N, tuy nhiên do anh N bận công việc không đến Tòa án để giải quyết vụ án được, anh nhờ ông Tỉnh thay mặt anh trình bày ý kiến của anh với Tòa án với nội dung sau: Anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh, nếu ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung là cháu La Thị Bích N1, sinh ngày 05/10/2014 cho anh là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, vì từ cuối năm 2019 đến nay cháu N1 ở cùng anh, cháu N1 đang học ổn định tại xã CY, anh có bố mẹ đẻ cùng anh chăm sóc cháu N1. Anh đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng. Ông Tỉnh cũng xác định anh N và chị T có mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nếu anh chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu N1 cho anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện nay cháu N1 đang ở cùng anh N, ông là người hàng ngày đưa đón cháu N1 đi học, hơn nữa gia đình ông đảm bảo cùng anh N chăm sóc tốt cho cháu N1.

[3] Về quan hệ hôn nhân xét thấy: Chị T và anh N sau một thời gian tìm hiểu đã quyết định đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị đăng

ký kết hôn vào ngày 29/8/2014 tại Ủy ban nhân dân xã CY, huyện Yên Sơn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung tại thôn CC, xã CY, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho chị được ly hôn với anh La Đại N là phù hợp quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu La Thị Bích N1, sinh ngày 05/10/2014, cháu N1 hiện đang ở cùng anh N. Khi ly hôn chị T tự nguyện để anh N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chi cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh N là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kì hàng tháng. Qua lời trình bày của ông Tỉnh, anh N xin nhận là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, anh đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kì hàng tháng. Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Xét thấy nguyện vọng của chị T và anh N đều phù hợp, vì hiện nay cháu N1 đang ở cùng anh N, cháu đang học ổn định tại xã CY, huyện Yên Sơn, chị T hiện nay đi làm ăn xa, không có thời gian để chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao con chung cho anh La Đại N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kì hàng tháng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T có quyền, N vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Xác định anh chị không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh La Đại N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu La Thị Bích N1, sinh ngày 05/10/2014 cho anh La Đại N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kì hàng tháng, kể từ tháng 4/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị T có quyền, N vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0001875, ngày 11 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị T còn phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí.

4. Chị Nguyễn Thị T và anh La Đại N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- UBND xã CY;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thuỷ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thu Hà - Đặng Thị Huệ

Nguyễn Xuân Thủy

